HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 75/2018/NQ-HĐND	*Trà Vinh, ngày 07 tháng 12 năm 2018*

NGHỊ QUYẾT
Về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH, KHOÁ IX - KỲ HỌP THỨ 10

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Sau khi nghe báo cáo của UBND tỉnh, báo cáo của các ngành chức năng, báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND tỉnh và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018, Hội đồng nhân dân tỉnh nhận thấy:

Mặc dù trong điều kiện còn nhiều khó khăn nhưng với sự quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh, kinh tế - xã hội phát triển khá ổn định, tăng trưởng (GRDP) ước đạt 11,05%; GRDP bình quân đầu người đạt 43,65 triệu đồng/người/năm, (tăng 4,43 triệu đồng so năm 2017); huy động vốn đầu tư toàn xã hội tăng khá; nhiều ngành, lĩnh vực có bước phát triển tốt, nông nghiệp tăng trưởng cao, vượt mục tiêu kế hoạch (sau nhiều năm liền gặp khó khăn, tăng trưởng thấp); thu nội địa tăng khá, nhiều khoản thu tăng so với cùng kỳ và vượt dự toán năm; huy động vốn và cho vay của các tổ chức tín dụng tiếp tục phát triển, nợ xấu chiếm tỷ lệ thấp. Xúc tiến đầu tư có nhiều cố gắng, thu hút đầu tư đạt khá, nhiều dự án được triển khai. Văn hóa - xã hội có nhiều mặt tiến bộ, quản lý giáo dục có nhiều đổi mới, chất lượng từng bước đi vào chiều sâu; công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm đạt kết quả thiết thực; an sinh xã hội được quan tâm thực hiện tốt; công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, mạng lưới khám chữa bệnh được mở rộng và củng cố; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được tổ chức với nội dung phong phú; thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới có những mặt chuyển biến tích cực; công tác tôn giáo, dân tộc được quan tâm. Công tác thông tin, truyền thông được triển khai rộng khắp vùng sâu, vùng xa tạo được sự đồng thuận của xã hội. Công tác thanh tra được tăng cường, giải quyết khiếu nại, tố cáo đạt tỷ lệ cao; công tác phòng, chống tham nhũng được quan tâm; ngăn chặn, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi tham nhũng. Trong 20 chỉ tiêu chủ yếu Nghị quyết đề ra, có 19 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch.

Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế: Tăng trưởng kinh tế (GRDP) thấp hơn so với kế hoạch; một số ngành, lĩnh vực còn nhiều khó khăn: nông nghiệp phát triển khá nhưng nhìn chung chất lượng tăng trưởng thiếu bền vững, việc ứng dụng tiến bộ KHKT vào sản xuất nông nghiệp còn chậm, sản xuất chưa gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ, giá cả thiếu ổn định, đầu ra một số sản phẩm nông sản gặp khó khăn; công tác quản lý quy hoạch ngành thiếu chặt chẽ; công tác kiểm soát, quản lý vật tư đầu vào, cây con, giống,... còn nhiều mặt hạn chế. Công nghiệp phát triển chậm, nhất là công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu ngành, tăng trưởng thấp, triển khai thực hiện tái cơ cấu ngành công thương còn chậm, kém hiệu quả. Thương mại, dịch vụ tăng trưởng chưa đạt kế hoạch. Việc triển khai thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở các cấp, các ngành còn những mặt hạn chế nhất định. Cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư có bước chuyển biến nhưng còn chậm. Đầu tư xây dựng cơ bản giải ngân chậm; phát triển doanh nghiệp chưa đạt mục tiêu kế hoạch, số doang nghiệp giải thể, thu hồi còn cao. Văn hóa – xã hội một số lĩnh vực còn một số mặt hạn chế; quản lý tài nguyên môi trường chưa chặt chẽ; an ninh chính trị còn tiềm ẩn những nguy cơ bất ổn; trật tự, an toàn xã hội, khiếu kiện đông người, vượt cấp còn diễn biến phức tạp.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 đề ra trong báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung tổ chức thực hiện tốt một số nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học – công nghệ trong sản xuất và đời sống; khai thác tốt tiềm năng phát triển du lịch; bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống nhân dân; phát triển văn hóa; quản lý tài nguyên, cải thiện cảnh quan, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

2. Dự kiến các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2019

2.1. Các chỉ tiêu kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) tăng 11 - 12% so với năm 2018.

- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 22.500 tỷ đồng, bằng 98,6% so với ước thực hiện năm 2018.

- Thu nội địa 3.771,8 tỷ đồng, tăng 9,4% so với dự toán năm 2018.

2.2. Các chỉ tiêu xã hội

- Tỷ lệ học sinh đi học:

+ Trong độ tuổi: Tiểu học 99,9%, Trung học cơ sở 98,61%, Trung học phổ thông 73%.

+ Đúng độ tuổi: Tiểu học 98,5%, Trung học cơ sở 96,6%, Trung học phổ thông 70,2%.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều) 1,5 - 2%, trong đó: vùng dân tộc Khmer giảm 3%.

- Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị <3%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo 61,5%, trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng chứng chỉ công nhận kết quả đào tạo 29,75%; Tạo việc làm mới cho 22.000 lao động.

- Số giường bệnh/vạn dân (không tính trạm y tế xã) 21,45 giường; 7,6 bác sĩ/vạn dân.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 7,77%.

- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế 95,06%.

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện 98,9%.

- Số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới tăng thêm: 14 xã (trong đó có 05 xã phấn đấu).

2.3. Các chỉ tiêu môi trường

- Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường: 100%.

- Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý: 99,19%.

- Tỷ lệ che phủ rừng 4,3% so với diện tích tự nhiên (48% so với diện tích quy hoạch).

- Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp:

+ Nước sạch 63,51%.

+ Nước hợp vệ sinh 94%.

- Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh: 96,3%.

2.4. Các chỉ tiêu quốc phòng - an ninh

- Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội;

- 100% cơ quan, đơn vị vững mạnh về an ninh, chính trị;

- 95% xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng - an ninh.

3. Về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh nền kinh tế giai đoạn 2013 - 2020. Ban hành và tổ chức thực hiện thực hiện có hiệu quả các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào

nông nghiệp nông thôn như: khuyến khích tập trung đất đai, hỗ trợ hoạt động chuyển giao ứng dụng đổi mới công nghệ; phát triển kinh tế hợp tác, HTX gắn với xây dựng nông thôn mới. Phấn đấu trong năm 2019 phát triển mới 25 - 30 HTX; tiếp tục xây dựng 13 HTX kiểu mới hoàn thành các tiêu chí theo quy định; tiếp tục củng cố các HTX yếu kém, kiên quyết giải thể các HTX yếu kém kéo dài. Tăng cường các hoạt động khuyến nông, khuyến ngư; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học và cơ giới hoá trong sản xuất, chế biến và bảo quản nông sản. Phát triển chăn nuôi theo hình thức công nghiệp, thực hiện tốt quy hoạch chăn nuôi, giết mổ tập trung an toàn vệ sinh thực phẩm. Tập trung phát triển 11 loại cây trồng, 04 loại vật nuôi, 06 loại con nuôi chủ lực theo Nghị quyết 17-NQ/TU ngày 27/12/2017 của Tỉnh ủy. Tiếp tục triển khai tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch số 75-KH/TU, ngày 08/01/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Trà Vinh *"Tổ chức thực hiện 06 nhiệm vụ tập trung, 03 nhiệm vụ đột phá năm 2018 và những năm tiếp theo"*; Kế hoạch của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (Khóa XII) về *"Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045"*.

- Triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành công thương, phát triển các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; tập trung huy động mọi nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng Khu kinh tế Định An, các khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch; triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp; khuyến khích khôi phục, phát triển các cơ sở tiểu thủ công nghiệp và các làng nghề truyền thống để giải quyết việc làm cho lao động nông thôn. Tăng cường công tác tư vấn, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nhằm tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển sản xuất kinh doanh ổn định. Triển khai công tác lập quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Phát triển các ngành dịch vụ, phục vụ tốt nhu cầu sản xuất và nhu cầu xã hội, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư kết cấu hạ tầng thương mại, dịch vụ theo quy hoạch; khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư hạ tầng du lịch và phát triển du lịch cộng đồng theo Nghị quyết số 70/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển trong lĩnh vực du lịch trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2018 – 2020; đẩy mạnh liên kết phát triển du lịch, đầu tư và khai thác hiệu quả làng Văn hóa – Du lịch Khmer Trà Vinh. Tăng cường vai trò quản lý nhà nước trong việc kiểm soát thị trường, bảo đảm cạnh tranh công bằng, lành mạnh, đúng pháp luật. Đẩy mạnh việc ứng dụng thương mại điện tử phục vụ sản xuất kinh doanh, chú trọng xây dựng, quảng bá thương hiệu. Tăng cường hợp tác, liên doanh, liên kết mở rộng thị trường, nhất là thị trường xuất khẩu, nâng kim ngạch xuất khẩu, ưu tiên nhập khẩu các mặt hàng nguyên liệu, thiết bị thiết yếu để đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh. Đẩy mạnh việc thực hiện xã hội hóa về đầu tư, quản lý và khai thác chợ.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP và Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; nâng cao hiệu quả các hoạt động của Hiệp hội Doanh

nghiệp, phát huy hơn nữa vai trò của Doanh nhân tham gia phát triển kinh tế xã hội và trách nhiệm với cộng đồng. Xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện hỗ trợ Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, sửa đổi, bổ sung các chính sách tại Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016; Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND tỉnh ngày 22/3/2017 của HĐND tỉnh; Ban hành các nghị quyết: quy định về mức vốn sử dụng ngân sách địa phương để đảm bảo thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp theo quy định tại điều 14 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, cơ chế tập trung đất đai. Tạo quỹ đất để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn phù hợp với thẩm quyền và các quy định của pháp luật tại điều 7 của Nghị định 57/2018/NĐ-CP, đề án hỗ trợ doanh nhgiệp nhơ và vừa, cơ cvhế chính sách ưu đãi, hỗ trợ trong hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ tại địa phương. Khuyến khích doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư đổi mới thiết bị, ứng dụng khoa học công nghệ mới vào sản xuất để gia tăng giá trị sản phẩm, hàng hóa, giảm giá thành và nâng cao sức cạnh tranh. Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia/quốc tế, phát triển thương hiệu; tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho doanh nghiệp về các quy định quốc tế, chính sách thương mại của các nước và quy định của nhà nước về xuất nhập khẩu, rào cản thương mại,... khi tham gia thị trường quốc tế.

- Tăng cường công tác xúc tiến, quảng bá, kêu gọi đầu tư, ưu tiên các ngành kỹ thuật, công nghệ cao, sử dụng có hiệu quả tài nguyên, phát huy được tiềm năng, lợi thế của tỉnh và bảo vệ môi trường. Tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung và thực hiện tốt Quy chế phối hợp nhằm giải quyết kịp thời các thủ tục đầu tư trên địa bàn. Tổ chức thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương và Chương trình hành động của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế tư nhân, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng nhằm hỗ trợ thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển. Phấn đấu trong năm 2019 đạt 550 - 600 doanh nghiệp (trong đó có cả hộ kinh doanh chuyển lên doanh nghiệp).

- Quản lý chặt chẽ ngân sách nhà nước, chống tiêu cực, lãng phí gây thất thoát ngân sách nhà nước. Tập trung chỉ đạo quyết liệt thu thuế, chú ý phát triển, nuôi dưỡng nguồn thu; xử lý các khoản nợ thuế, kéo giảm tỷ lệ nợ đọng về thuế; cân đối thu chi ngân sách hợp lý, đúng quy định Luật Ngân sách. Điều hành hoạt động tín dụng, ngân hàng phát triển ổn định, an toàn và hiệu quả. Ngành Ngân hàng tích cực hỗ trợ các Chương trình, Đề án tái cơ cấu kinh tế, nhất là lĩnh vực nông nghiệp nông thôn và an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh; thực hiện hiệu quả chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp, đặc biệt là đồng hành, hỗ trợ Chương trình Khởi nghiệp và Phát triển doanh nghiệp của tỉnh.

- Tiếp tục chỉ đạo thoái vốn nhà nước tại các Công ty cổ phần do nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối thuộc tỉnh. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập thành Công ty cổ phần theo chủ trương của Chính phủ. Nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại, phát triển công tác đối ngoại nhân dân; vận động, quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn ODA, NGO.

- Tập trung xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ theo hướng mở, liên kết vùng và khu vực. Huy động tối đa các nguồn lực đầu tư xây dựng nông thôn mới, phấn đấu có 14 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 12 xã đã công nhận được 5 năm (Long Đức, Phú Cần, Nhị Long Phú, Hiệp Mỹ Đông, Mỹ Long Nam, Tập Ngãi, Hiếu Trung, Tân Hùng, Tân Sơn, An Phú Tân, Long Hữu, Dân Thành) đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao; huyện Cầu Kè được công nhận huyện nông thôn mới; tập trung đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng phấn đấu đến năm 2020 thành phố Trà Vinh hoàn thiện tiêu chí đô thị loại II, thị xã Duyên Hải đạt tiêu chí đô thị loại III và huyện Tiểu Cần đạt tiêu chí đô thị loại IV; đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016 - 2020, nhất là các dự án quan trọng có tính lan tỏa như Đường tỉnh 915B, Hạ tầng thiết yếu phục vụ vùng sản xuất cây ăn trái tập trung 02 huyện Càng Long, Châu Thành và thành phố Trà Vinh, Bệnh viện đa khoa tỉnh,...; tăng cường công tác quản lý, sử dụng vốn; nâng cao chất lượng, hiệu qủa đầu tư công.

- Quản lý, sử dụng đất đai hợp lý và hiệu quả theo các quy hoạch/kế hoạch sử dụng đã được phê duyệt; tăng cường thanh tra, kiểm tra việc quản lý sử dụng đất công, đất bãi bồi, đất xây dựng. Thực hiện tốt quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, hộ gia đình. Quản lý chặt chẽ và khai thác hiệu quả nguồn cát sông và quan tâm bảo vệ nguồn nước ngầm; đồng thời kiên quyết và xử lý nghiêm các vi phạm. Đề cao ý thức, trách nhiệm về bảo vệ môi trường; nâng cao vai trò quản lý Nhà nước về tài nguyên môi trường. Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án trồng rừng, tăng cường công tác chăm sóc, bảo vệ rừng. Nâng cao năng lực phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm cứu nạn. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 28/12/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường công tác quản lý trật tự xây dựng và vệ sinh môi trường tại các đô thị, khu dân cư, trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học, đặc biệt là đối với giáo dục vùng dân tộc, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; thực hiện tốt kế hoạch phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở, tiến tới thực hiện phổ cập giáo dục bậc trung học phổ thông. Tăng cường công tác phân luồng, tư vấn và định hướng nghề nghiệp trong các trường phổ thông. Tiếp tục đổi mới về cơ chế quản lý giáo dục, phương pháp dạy và học, đảm bảo số lượng và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý; giảm tỷ lệ học sinh bỏ học. Tiếp tục rà soát quy hoạch, sắp xếp lại mạng lưới trường học và các cơ sở đào tạo nghề phù hợp Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực tỉnh Trà Vinh đến năm 2020. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề gắn giải quyết việc làm và nhu cầu xã hội. Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, hoạt động dạy thêm, học thêm.

- Tiếp tục thực hiện Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 - 2020; gắn nhiệm vụ phát triển khoa học xã hội với nhiệm vụ phát

triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh việc nghiên cứu và triển khai ứng dụng rộng rãi các thành tựu về khoa học công nghệ gắn với yêu cầu phát triển của từng ngành, từng lĩnh vực, từng sản phẩm; ưu tiên nguồn lực thực hiện các chương trình phát triển sản phẩm, đổi mới công nghệ, phát triển và bảo hộ tài sản trí tuệ. Thực hiện tốt cơ chế, chính sách phát triển khoa học công nghệ; khuyến khích, kêu gọi xã hội hóa trong công tác nghiên cứu, phát triển khoa học. Quan tâm đầu tư, trang bị phương tiện cho các cơ sở nghiên cứu. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật, phát triển mạnh nguồn nhân lực cho khoa học công nghệ.

- Nâng cao chất lượng công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, chủ động phòng, chống dịch bệnh, giảm dần tỷ lệ mắc và tử vong do các bệnh truyền nhiễm; cải tiến quy trình khám, chữa bệnh và thủ tục bảo hiểm y tế...; tập trung giáo dục nâng cao đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ y, bác sĩ; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế; phát triển hệ thống y tế ngoài công lập; tăng cường kiểm tra, giám sát an toàn vệ sinh thực phẩm, hoạt động y tế tư nhân; kiểm soát chặt chẽ giá cả và chất lượng thuốc y tế. Đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng ngành y tế để sớm đưa vào sử dụng phục vụ nhân dân.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách trợ giúp xã hội, ưu đãi người có công, chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo; khuyến khích người nghèo phát triển sinh kế thông qua các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo bền vững; nhân rộng các mô hình giảm nghèo có hiệu quả. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động, phấn đấu đưa 300 lao động đi làm việc ở nước ngoài; tăng cường công tác quản lý xuất khẩu lao động, lao động là người nước ngoài làm việc tại tỉnh. Thực hiện đầy đủ chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; xây dựng quan hệ lao động hài hoà, cải thiện điều kiện lao động. Nâng tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội theo Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội. Tăng cường công tác phòng, chống tệ nạn xã hội. Thực hiện tốt chính sách Người có công, chính sách dân tộc và tôn giáo; công tác bình đẳng giới; công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em; công tác bảo trợ xã hội.

- Tập trung xây dựng và nâng cao chất lượng gia đình văn hóa, ấp, khóm văn hóa, cơ quan, trường học, cơ sở tôn giáo tín ngưỡng đạt chuẩn cơ quan văn hóa. Tiếp tục đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, cơ sở hạ tầng các khu du lịch trọng điểm. Đổi mới các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch theo hướng đẩy mạnh xã hội hóa nhằm huy động mọi tiềm lực sẵn có trong dân và các tổ chức xã hội. Tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước lĩnh vực hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn.

- Từng bước hoàn thiện, hiện đại hóa hạ tầng, nâng cao chất lượng các hoạt động thông tin, truyền thông. Tăng cường ứng dụng chữ ký số; số hóa dữ liệu; lưu trữ số; đẩy mạnh ứng dụng các phần mềm dùng chung; các ứng dụng

công nghệ thông tin chuyên ngành, lĩnh vực sở, ngành, địa phương; triển khai đồng bộ, hiệu quả các nội dung của khung chính quyền điện tử cấp tỉnh. Tăng cường đầu tư, kiểm tra, xử lý sự cố, đảm bảo an toàn thông tin.

- Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chỉ số PAR INDEX, PCI, PAPI, SIPAS. Đẩy mạnh triển khai các giải pháp thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 và Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020. Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 71, 72, Đề án số 05 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 18, 19 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, phục vụ cơ quan hành chính nhà nước, nhất là Trung tâm Hành chính công gắn với công khai, minh bạch, thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; đề cao trách nhiệm giải trình của các cơ quan hành chính nhà nước.

- Tổ chức thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, phát huy vai trò giám sát của cơ quan dân cử, khen thưởng kịp thời người có thành tích trong việc phát hiện, tố cáo tham nhũng. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, chủ động nắm tình hình và giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo mới phát sinh ngay tại cơ sở nhằm hạn chế khiếu kiện đông người, vượt cấp, phức tạp, kéo dài; thực hiện tốt pháp luật về hòa giải cơ sở. Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp trong điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, không để xảy ra oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm.

- Tiếp tục xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc gắn với thế trận an ninh nhân dân. Chủ động đấu tranh, ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, không để bị động, bất ngờ; phòng, chống lợi dụng đình công, biểu tình gây mất an ninh trật tự tại các dự án, công ty có yếu tố nước ngoài trên địa bàn. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm. Tăng cường công tác bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh, an toàn thông tin mạng. Tiếp tục thực hiện đồng bộ các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn giao thông.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao triển khai, tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết này.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết, thông tin những nội dung cần thiết đến cử tri trong tỉnh.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên của Mặt trận tăng cường công tác giám sát, phản biện xã hội; tích cực vận động mọi tầng lớp nhân dân thực hiện tốt Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 của HĐND tỉnh, góp phần hoàn thành nhiệm vụ Kế hoạch 5 năm 2016 - 2020.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Trà Vinh khóa IX, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 07/12/2018 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2019./.

Nơi nhận:
- UBTVQH, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Các Bộ: Tư pháp, KH&ĐT, Tài chính;
- TT. TU, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: TP, KH-ĐT, TC, Cục Thống kê tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Văn phòng: HĐND, UBND tỉnh;
- Đài PT-TH, Báo Trà Vinh;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Trần Trí Dũng